

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8426/BKHĐT-TCTK

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2024

V/v xin ý kiến dự thảo Quyết định
của Thủ tướng Chính phủ ban hành
Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 5487/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2024 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về việc triển khai thực hiện Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ, trong đó giao: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2024 theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu và hoàn thiện các dự thảo, gồm:

(1) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

(2) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

(Các tài liệu trên đã được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê).

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quý Cơ quan cho ý kiến về dự thảo Quyết định nêu trên. Nội dung xin ý kiến gồm:

1. Bổ sung cuộc điều tra thống kê quốc gia

Nội dung này đề nghị nêu rõ:

- Tên cuộc điều tra thống kê đề xuất bổ sung.
- Căn cứ pháp lý/lý do bổ sung cuộc điều tra thống kê.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung của cuộc điều tra thống kê quốc gia

Nội dung này đề nghị nêu rõ:

- Tên cuộc điều tra theo quy định tại Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg.

- Nội dung sửa đổi, gồm: (1) Mục đích điều tra; (2) Đối tượng, đơn vị điều tra; (3) Loại điều tra; (4) Nội dung điều tra; (5) Thời kỳ, thời điểm điều tra; (6) Cơ quan chủ trì; (7) Cơ quan phối hợp.

- Căn cứ pháp lý/lý do sửa đổi từng nội dung nêu trên.

Văn bản của quý Cơ quan xin gửi về Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **trước ngày 31 tháng 10 năm 2024**.

(Thông tin chi tiết liên hệ chị Trần Thị Luyến, điện thoại: 024 7304 6666 (máy lẻ 8018)).

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCTK. *L3*

ga
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Tran Q.P.
Trần Quốc Phương

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết gọn là Quyết định) với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Khoản 1 Điều 28 Luật Thống kê số 89/2015/QH13 quy định: “Chương trình điều tra thống kê quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định, được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin chủ yếu để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”.

- Điểm a khoản 2 Điều 28 Luật Thống kê số 89/2015/QH13 quy định: “Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia”.

- Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Nghị định số 62/2024/NĐ-CP).

2. Cơ sở thực tiễn

Để bảo đảm thu thập thông tin phục vụ biên soạn, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 (sau đây viết gọn là Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg). Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm tên cuộc điều tra,

mục đích, đối tượng, đơn vị, loại điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra và cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Danh mục các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 45 cuộc điều tra (có 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia và 42 cuộc điều tra ở các lĩnh vực khác nhau). Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) và các bộ, ngành vẫn đang thực hiện các cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo quy định. Các cuộc điều tra này được thực hiện để thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tuy nhiên, ngày 07/6/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP, trong đó quy định: (1) Lịch phổ biến một số thông tin thống kê quan trọng của cơ quan thống kê trung ương và (2) thời gian công bố số liệu GDP, GRDP.

Để công bố số liệu thống kê theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP cần phải thay đổi thời gian thu thập thu thập thông tin của các chỉ tiêu thống kê quốc gia có liên quan. Trong khi đó, Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg đã quy định cụ thể thời kỳ, thời điểm điều tra của các cuộc điều tra thống kê quốc gia. Vì vậy, cần thiết phải sửa đổi Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg để phù hợp với quy định của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.

Thực hiện nội dung này, ngày 01/8/2024, Văn phòng Chính phủ đã có Thông báo số 5487/VPCP-KTTH về việc triển khai thực hiện Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ, trong đó quy định: *“Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia; trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2024 theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”*.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

- Bảo đảm thu thập, biên soạn, công bố, phổ biến thông tin thống kê theo đúng quy định của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.
- Hoàn thiện hành lang pháp lý về xây dựng các hình thức thu thập thông tin thống kê bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quy định của Luật Thống kê.
- Khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thống kê.
- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, chính xác, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.
- Các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia bảo đảm tính phù hợp, khả thi, tránh sự trùng lặp, chồng chéo giữa các hình thức thu thập thông tin, đồng thời bảo đảm tính kế thừa từ những cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê đã ban hành.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG QUYẾT ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia bao gồm: Tên cuộc điều tra, mục đích điều tra, đối tượng, đơn vị điều tra, loại điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Quyết định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Rà soát các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến Chương trình điều tra thống kê quốc gia.
- Rà soát quy trình thu thập, tổng hợp thông tin thống kê tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), bộ, ngành và địa phương để xác định thời kỳ, thời điểm tiến hành các cuộc điều tra trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia, bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.
- Đánh giá tình hình thực hiện các cuộc điều tra thống kê quốc gia đã ban hành theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg.
- Xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.
- Tổ chức các hội thảo xin ý kiến các đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), bộ, ngành có liên quan, các chuyên gia và Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Xin ý kiến rộng rãi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân bằng việc đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê.

- Gửi xin ý kiến chính thức bằng văn bản tới các Bộ, ngành và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Công văn số...

- Sau khi nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

- Ngày..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã nhận được Văn bản thẩm định số của Bộ Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, đồng thời chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Quyết định gồm 05 điều và 01 phụ lục kèm theo, cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia
- Điều 4. Tổ chức thực hiện
- Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành
- Phụ lục. Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

2. Nội dung cơ bản

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 45 cuộc điều tra, trong đó có 03 cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia (Tổng điều tra dân số và nhà ở; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp; Tổng điều tra kinh tế) và 42 cuộc điều tra ở các lĩnh vực khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 01. Điều tra dân số, lao động và việc làm, gồm 3 cuộc điều tra.

+ Nhóm 02. Điều tra đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, gồm 8 cuộc điều tra.

+ Nhóm 03. Điều tra công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và vốn đầu tư 8 cuộc điều tra.

+ Nhóm 04. Điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và tài khoản quốc gia, gồm 5 cuộc điều tra.

+ Nhóm 05. Điều tra giá, gồm 9 cuộc điều tra

+ Nhóm 06. Điều tra khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông, gồm 3 cuộc điều tra.

+ Nhóm 07. Điều tra y tế, xã hội và môi trường, gồm 6 cuộc điều tra.

- Mỗi cuộc điều tra gồm các nội dung sau: Mục đích điều tra; đối tượng, đơn vị điều tra; loại điều tra; nội dung điều tra; thời kỳ, thời điểm điều tra; cơ quan chủ trì; cơ quan phối hợp.

3. Những thay đổi so với Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia

a) Về kết cấu của dự thảo Quyết định

- Tăng 02 điều so với Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg.

- Bỏ phần quy định chung của Chương trình điều tra thống kê quốc gia vì đã gộp vào các điều của dự thảo Quyết định.

b) Về tổ chức thực hiện

Điều 4 của dự thảo Quyết định quy định: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng cục Thống kê ban hành kế hoạch các cuộc điều tra thống kê hằng năm, phương án điều tra của từng cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

c) Về Chương trình điều tra thống kê quốc gia

- Giữ nguyên: 20 cuộc điều tra.

- Sửa nội dung của: 25 cuộc điều tra.

Nội dung sửa đổi các cuộc điều tra chủ yếu vào mục đích điều tra; đối tượng, đơn vị điều tra; nội dung điều tra; thời kỳ, thời điểm điều tra để phù hợp với tình hình thu thập thông tin thực tế và bảo đảm tổng hợp, công bố số liệu thống kê theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số 62/2024/NĐ-CP.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH

Chương trình điều tra thống kê ban hành kèm theo dự thảo Quyết định không làm phát sinh hay loại bỏ cuộc điều tra theo Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg mà chỉ sửa nội dung của một số cuộc điều tra. Do đó, việc thực hiện Chương trình điều tra không làm phát sinh nguồn nhân lực và tài chính cho việc thực hiện.

VII. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Quyết định ban hành chương trình điều tra thống kê quốc gia không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và không có tác động về giới.

Trên đây là Tờ trình về việc xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng thường trực (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Bộ (Phòng KSTH);
- Lưu: VT, TCTK (2b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

DỰ THẢO**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về Chương trình điều tra thống kê quốc gia bao gồm tên cuộc điều tra, mục đích điều tra, đối tượng, đơn vị điều tra, loại điều tra, nội dung điều tra, thời kỳ, thời điểm điều tra, cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước và các cơ quan, tổ chức cá

nhân có liên quan trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều 3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia

1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia gồm 03 cuộc tổng điều tra và 43 cuộc điều tra thống kê được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia được tiến hành định kỳ nhằm thu thập thông tin để tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

3. Chương trình điều tra thống kê quốc gia là căn cứ để bộ, ngành chủ động xây dựng kế hoạch các cuộc điều tra, xây dựng phương án điều tra, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí và quyết định các cuộc điều tra thống kê, tạo sự ổn định cho hoạt động thống kê.

4. Kết quả của các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia phải được công bố theo đúng các quy định của Luật Thống kê và các văn bản có liên quan.

5. Kinh phí để thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia do ngân sách nhà nước cấp và được bố trí trong dự toán ngân sách của các cơ quan theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn kinh phí khác do tổ chức quốc tế tài trợ theo các chương trình dự án) bảo đảm theo quy mô, tính chất của từng cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ xây dựng, sửa đổi, bổ sung Chương trình điều tra thống kê quốc gia đảm bảo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch các cuộc điều tra thống kê hằng năm, phương án điều tra của từng cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng cục Thống kê ban hành kế hoạch các cuộc điều tra thống kê hằng năm, phương án điều tra của từng cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

c) Chủ trì, tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra thực hiện Chương trình điều tra thống kê quốc gia và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành Quyết định này.

2. Bộ, ngành liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành kế hoạch các cuộc điều tra thống kê hàng năm, phương án điều tra của từng cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

b) Tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện.

c) Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với bộ, ngành được giao chủ trì trong tổ chức thực hiện các cuộc tổng điều tra, điều tra trên địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành

1. Điều khoản chuyển tiếp

Các cuộc tổng điều tra, điều tra năm 2025 đã ban hành phương án điều tra thì tiếp tục được thực hiện theo phương án đã ban hành đến hết năm 2025.

2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC: CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA

(Ban hành theo Quyết định số /202.../QĐ-TTg ngày tháng năm 202... của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I. Các cuộc tổng điều tra thống kê quốc gia								
01	Tổng điều tra dân số và nhà ở	Thu thập số liệu về dân số, lao động xã hội và nhà ở phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quy mô, cơ cấu phân bố và tỷ lệ tăng dân số, nguồn lao động và nhà ở của dân cư, là cơ sở để lập dàn chọn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê có đơn vị điều tra là hộ dân cư.	1. Đối tượng điều tra: Tất cả công dân Việt Nam cư trú thường xuyên trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam hoặc đang tạm trú ở nước ngoài; hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra toàn bộ: - Dân số chia theo giới tính, tuổi, dân tộc, tôn giáo, tình trạng đi học, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0115. - Số lượng và chất lượng nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 2. Điều tra chọn mẫu: - Ngoài các chỉ tiêu điều tra toàn bộ, tiến hành điều tra các nhóm chỉ tiêu sau: - Dân số chia theo ngành nghề đào tạo, di cư, tình	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 9).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp; Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, tình trạng việc làm của dân số;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0108, 0111.</p> <p>- Tình hình sinh chết của dân số, tình trạng nhà ở và các điều kiện sinh hoạt của hộ có nhà ở;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 0109, 0113.</p> <p>- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1604.</p> <p>- Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1605.</p> <p>- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1603.</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
02	Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô và cơ cấu lao động nông thôn; NLTS; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất NLTS; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn, NLTS; xây dựng cơ sở dữ liệu về NLTS và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	1. Đối tượng điều tra: Lao động nông thôn, lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS); hộ nông thôn, hộ tham gia hoạt động NLTS; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã NLTS; Ủy ban nhân dân xã. 2. Đơn vị điều tra: Hộ nông thôn; hộ tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản khu vực thành thị; trang trại; doanh nghiệp, hợp tác xã NLTS; Ủy	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	Tùy thuộc vào kế hoạch chương trình, các chỉ tiêu trong điều tra có thể thay đổi, bổ sung nhưng tập trung vào các nhóm sau: - Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS): số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; tài sản và năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; tác động của sản xuất NLTS tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển kinh tế trang trại; phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 5).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			ban nhân dân xã, phường, thị trấn có hoạt động NLTS.		<p>vai trò của phụ nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,...</p> <p>- Thực trạng nông thôn: thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường:...); vệ sinh môi trường nông thôn;</p> <p>- Thông tin về cư dân nông thôn: Khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng điện, nước sạch của cư dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;....</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0801, 0802, 0805, 0807, 0809,</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					0811, 0814.			
03	Tổng điều tra kinh tế	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động làm cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp dần mẫu tổng thể phục vụ công tác chọn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê.	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ hợp tác; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở sản xuất kinh doanh trực thuộc cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cơ sở sự nghiệp ngoài công lập, hiệp hội; tổ chức phi chính phủ của nước ngoài tại Việt Nam và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. 2. Đơn vị điều	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động; - Nhóm thông tin về tài sản của đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất kinh doanh; sản phẩm sản xuất kinh doanh; chi phí sản xuất kinh doanh;... - Nhóm thông tin về năng lượng; - Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh;... - Nhóm thông tin theo	Chu kỳ 5 năm, ngày 05 tháng 01 và ngày 01 tháng 4 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>tra: Các tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã; tổ hợp tác; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; các đơn vị cơ sở sản xuất, kinh doanh, hiệp hội; chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.</p>		<p>chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0301, 0501, 0502, 0513, 0514.</p> <p>2. Đối với doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số doanh nghiệp; số lao động, nguồn vốn, tài sản, doanh thu thuần, thu nhập của người lao động, lợi nhuận trước thuế. <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403, 0404, 0405, 0513, 0514, 0515, 0516, 0517.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp và năng lượng; <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>quốc gia mã số 0902, 0903, 0904, 0908, 0512.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ, công nghệ thông tin, kinh tế số, logistic và khoa học công nghệ; - Chi phí vận tải và bảo hiểm hàng hóa nhập khẩu; <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1010, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405, 1703.</p> <p>3. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm thông tin về lao động; nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tài sản; nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trữ, nhóm thông tin về lĩnh vực thống kê chuyên ngành; 			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0513, 0514, 0902, 0903, 0904, 0908, 1001, 1002, 1003, 1004, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321.</p> <p>4. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ hợp tác.</p>			
II. Các cuộc điều tra thống kê								
01: Điều tra dân số, lao động và việc làm								
04	Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ	Thu thập thông tin về dân số và nhà ở làm cơ sở để lập kế hoạch và xây dựng chính sách dân số và nhà ở, đánh giá các chương trình dân số và nhà ở quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ; hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	<p>- Thu thập thông tin về quy mô, cơ cấu, phân bố và tỷ lệ tăng dân số;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0107, 0108, 0109, 0111, 0113, 0115.</p> <p>- Tình hình sinh chết của dân số;</p>	Năm có số tận cùng là 4 (tiến hành vào ngày 01 tháng 4).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 01 tuổi; - Tỷ suất chết của trẻ em dưới 05 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0103, 0104, 0105, 0106, 1604 và 1605. - Thu thập thông tin về nhà ở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0406, 0407. 			
05	Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình	Thu thập các thông tin cơ bản về dân số và kế hoạch hóa gia đình làm cơ sở hoạch định chính sách, nghiên cứu biến động dân số và tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình.	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (không bao gồm: những người sống trong khu vực quản lý riêng của quân đội và công an nhưng điều tra cả các hộ quân đội và công an đang	Điều tra chọn mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin chung về dân số: họ tên nhân khẩu thực tế thường trú, giới tính, tình hình di cư, tình hình đi học, tình trạng hôn nhân, phụ nữ, người chết của hộ dân cư...; - Thông tin liên quan đến sinh đẻ, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản của phụ nữ 15-49 tuổi; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0102, 0103, 0104, 0105, 0107, 0108, 	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành Tổng điều tra dân số và nhà ở; Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Tư pháp.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			sống trong khu vực dân cư của xã/phường/thị trấn điều tra). 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.		0111, 0113, 0115. - Thông tin về người chết của hộ: thông tin về số người chết, các nguyên nhân chết, tình hình tử vong mẹ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0106, 0109, 1604, 1605.			
06	Điều tra lao động và việc làm	Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc	1. Đối tượng điều tra: Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Đối với thành viên hộ: họ tên, mối quan hệ với chủ hộ, giới tính, tuổi, dân tộc; - Thông tin của những người từ 15 tuổi trở lên; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0201, 0202, 0203, 0204, 0206. - Thông tin của những người từ 05 - 17 tuổi (chỉ tiến hành điều tra 5 năm một lần). Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0207. - Tình trạng di cư, trình độ	Chu kỳ hằng tháng, ngày 01 hằng tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		gia.			chuyên môn kỹ thuật; - Hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0205, 0208, 0209 và các chỉ tiêu lao động liên quan.			
02: Điều tra đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản								
07	Điều tra kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Đánh giá chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý đất đai trong 5 năm qua và làm căn cứ đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai và nâng cao hiệu quả sử dụng đất; làm căn	1. Đối tượng điều tra: Diện tích các loại đất; các loại đối tượng sử dụng, đối tượng được giao để quản lý; 2. Đơn vị điều tra: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức được giao quản lý đất.	Điều tra toàn bộ	- Thu thập số liệu về diện tích đất đai theo mục đích và đối tượng sử dụng; - Số liệu về đối tượng sử dụng đất trên địa bàn đơn vị hành chính; - Thu thập thông tin về tình hình hiện trạng sử dụng đất, nguyên nhân biến động đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0101.	Chu kỳ 5 năm, ngày 31 tháng 12 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cứ cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Cung cấp thông tin phục vụ cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc quản lý, sử dụng đất của từng địa phương theo quy định của Luật Đất đai.						
08	Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ	Thu thập thông tin cơ bản về nông thôn; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS) phục vụ nghiên cứu đánh giá quy mô lao động NLTS; quy mô đất đai, điều kiện sản xuất NLTS; thay đổi kết cấu hạ tầng nông thôn; tình hình thực hiện một số nội dung của	1. Đối tượng điều tra: Lao động tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS); các hộ tham gia hoạt động NLTS; trang trại; doanh nghiệp; hợp tác xã NLTS; Ủy ban nhân dân xã. 2. Đơn vị điều tra: Hộ tham gia	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thực trạng nền sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (NLTS): Số lượng đơn vị sản xuất; số lao động và cơ cấu lao động; quy mô sản xuất; tài sản, năng lực sản xuất; tình hình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; tiếp cận thông tin của các đơn vị sản xuất; thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, liên kết sản xuất; tác động	Năm có số tận cùng là 0 (tiến hành vào ngày 01 tháng 7).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		các chương trình, mục tiêu quốc gia trong nông thôn; NLTS; xây dựng cơ sở dữ liệu về NLTS và nông thôn; lập dàn mẫu cho các cuộc điều tra chọn mẫu; so sánh quốc tế.	hoạt động NLTS; trang trại; doanh nghiệp; hợp tác xã NLTS; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có hoạt động NLTS.		<p>của sản xuất tới môi trường; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển sản xuất hiệu quả và bền vững; phát triển kinh tế trang trại; vai trò của phụ nữ; kết quả hoạt động tự sản, tự tiêu của các hộ gia đình,...</p> <p>- Thực trạng nông thôn: thực trạng và những chuyển biến về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; các hình thức hỗ trợ kinh tế nông thôn (hệ thống khuyến nông, lâm, ngư; tiếp cận thị trường;...); vệ sinh môi trường nông thôn;</p> <p>- Thông tin về cư dân nông thôn: Khả năng huy động vốn, tình hình vay vốn, khả năng tiếp cận tín dụng của hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tình hình sử dụng</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					điện, nước sạch của cư dân nông thôn; khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu;.... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0303, 0513, 0514, 0801, 0802, 0805, 0809, 0811, 0814.			
09	Điều tra diện tích cây nông nghiệp	Thu thập số liệu về diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp theo từng vụ sản xuất đối với cây hằng năm và từng năm đối cây lâu năm của mỗi địa phương; làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu như: Sản lượng cây trồng, cơ cấu diện tích gieo trồng, hệ số sử dụng đất.	1. Đối tượng điều tra: Cây nông nghiệp hằng năm; cây lâu năm trồng tập trung. 2. Đơn vị điều tra: Thôn (ấp, bản) của xã (sau đây gọi chung là thôn) có gieo trồng cây hằng năm trong vụ sản xuất; có diện tích cây lâu năm trồng tập trung; phường, thị trấn có tổng diện tích	Điều tra toàn bộ	- Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp hằng năm theo vụ/năm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0801. - Diện tích cây lâu năm trồng tập trung tại thời điểm điều tra; diện tích cho sản phẩm các loại cây lâu năm hiện có tại thời điểm điều tra; diện tích trồng mới tính đến thời điểm điều tra. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0802.	Chu kỳ hằng năm. - Cây hằng năm: Sau khi kết thúc gieo trồng mỗi vụ sản xuất. - Cây lâu năm: Ngày 01 tháng 11 năm báo cáo.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			gieo trồng cây hằng năm từ 5 ha trên một vụ hoặc cây lâu năm từ 5 ha trở lên; doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp có trồng cây nông nghiệp trong thời kỳ điều tra.					
10	Điều tra năng suất, sản lượng cây nông nghiệp	Thu thập thông tin về tình hình sản xuất cây nông nghiệp phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành trồng trọt; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của các cấp, các	1. Đối tượng điều tra: Các loại cây nông nghiệp. 2. Đơn vị điều tra: Hộ; doanh nghiệp; hợp tác xã và đơn vị sự nghiệp thực tế có gieo trồng và thu hoạch sản phẩm cây nông nghiệp trong kỳ.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Cây hằng năm, thu thập thông tin: Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch; sản lượng sản phẩm thu hoạch; sản lượng sản phẩm bán ra; doanh thu bán sản phẩm và các thông tin liên quan khác. - Cây lâu năm, thu thập thông tin: Diện tích hiện có; diện tích cho sản phẩm; diện tích trồng mới; sản lượng sản phẩm thu hoạch; sản lượng sản phẩm bán ra; doanh thu bán sản phẩm;	1. Chu kỳ hằng năm. - Cây hằng năm điều tra sau khi kết thúc thu hoạch theo từng vụ sản xuất trong năm. - Cây lâu năm trọng điểm điều tra sau khi	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		ngành và đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng dùng tin khác.			chi phí kiến thiết cơ bản vườn cây lâu năm; và các thông tin liên quan khác. - Giá trị các loại dịch vụ thuê ngoài cho cây trồng. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0803, 0804.	đã cơ bản thu hoạch xong sản phẩm. - Cây lâu năm còn lại điều tra ngày 01 tháng 12 năm báo cáo. 2. Chu kỳ theo quý Cây trồng chủ yếu.		
11	Điều tra chăn nuôi	Thu thập thông tin về tình hình sản xuất chăn nuôi trên phạm vi cả nước phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành chăn nuôi; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế	1. Đối tượng điều tra: Trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngan và vật nuôi khác (ngựa, dê, cừu,...). 2. Đơn vị điều tra: Thôn (ấp, bản, tổ dân phố); doanh nghiệp;	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Số lượng vật nuôi tại thời điểm điều tra. - Sản lượng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong kỳ điều tra. - Doanh thu bán sản phẩm chăn nuôi trong kỳ điều tra. - Giá trị dịch vụ chăn nuôi. - Tình hình xử lý chất thải	- Một năm 4 kỳ - Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 01, ngày 01 tháng 4, ngày 01 tháng 7 và	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất chăn nuôi của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.	hợp tác xã; tổ chức có hoạt động chăn nuôi và hộ có chăn nuôi trong kỳ.		chăn nuôi. - Kết quả hoạt động thu hoạch tổ yến. - Sản xuất con giống của vật nuôi chủ yếu và các thông tin liên quan khác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0805, 0806.	ngày 01 tháng 10.		
12	Điều tra lâm nghiệp	Thu thập thông tin về kết quả sản xuất lâm nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của ngành lâm nghiệp; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất lâm nghiệp của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin	1. Đối tượng điều tra: Rừng sản xuất; rừng phòng hộ; rừng đặc dụng; cây giống lâm nghiệp; cây lâm nghiệp trồng phân tán. 2. Đơn vị điều tra: Thôn, ấp bản, tiểu khu có rừng; doanh nghiệp; hợp tác xã; đơn vị sự nghiệp là chủ rừng có hoạt	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Diện tích rừng: Rừng trồng tập trung (diện tích rừng được trồng mới, chăm sóc) phân theo các loại hình rừng; diện tích rừng tự nhiên (rừng khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ). - Dịch vụ lâm nghiệp và các chỉ tiêu liên quan khác. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0807. - Giống cây lâm nghiệp; - Cây lâm nghiệp trồng phân tán; - Sản lượng gỗ và lâm sản	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 01.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		của các đối tượng dùng tin khác.	động sản xuất lâm nghiệp; hộ thuộc thôn có rừng.		ngoài gỗ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0808.			
13	Điều tra, kiểm kê rừng	Thu thập thông tin cơ bản về rừng như: Tổng diện tích, trữ lượng, cơ cấu các loại rừng, phục vụ quy hoạch, kế hoạch, quản lý, bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng.	1. Đối tượng điều tra: Các loại rừng. 2. Đơn vị điều tra: Tổ chức; hộ gia đình; cá nhân; cộng đồng dân cư; Ủy ban nhân dân cấp xã có quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng.	Điều tra toàn bộ	- Tổng diện tích rừng; - Cơ cấu diện tích rừng được phân theo các loại hình rừng; - Trữ lượng rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2101. - Tỷ lệ che phủ rừng; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2102.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9 thực hiện điều tra rừng); Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 01 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 thực hiện kiểm kê rừng).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài nguyên và Môi trường.
14	Điều tra	Thu thập thông tin	1. Đối tượng	Điều tra	- Diện tích mặt nước thả	Chu kỳ hằng	Bộ Kế	Bộ Nông

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	thủy sản	<p>cơ bản phản ánh kết quả hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, cấp tỉnh của hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất nuôi trồng và khai thác thủy sản của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.</p>	<p>điều tra: Các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác); giống thủy sản được nuôi trồng; khai thác; tàu thuyền khai thác thủy sản biển.</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thôn, ấp, bản, xã có nuôi trồng thủy sản. - Phường, thị trấn có diện tích nuôi trồng thủy sản từ 0,2 ha trở lên. - Xã, phường, thị trấn, có hoạt động khai thác thủy sản biển trên địa bàn. - Doanh nghiệp; hợp tác xã; hộ 	<p>toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu</p>	<p>nuôi, diện tích thu hoạch thủy sản chia theo loại mặt nước, loại thủy sản và phương thức nuôi trồng; số lồng, bè nuôi thủy sản; số hộ và thể tích nuôi trồng thủy sản bể, bồn.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0809.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng và công suất tàu thuyền khai thác thủy sản. - Số ngày hoạt động của tàu thuyền khai thác thủy sản biển trong tháng. <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0811.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng thủy sản nuôi trồng, khai thác nội địa, khai thác biển không dùng phương tiện cơ giới trong kỳ. - Sản lượng khai thác thủy sản biển bằng tàu thuyền có động cơ trong tháng. - Số lượng con giống và số 	<p>năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác thủy sản biển: Các ngày trong tháng (kỳ tháng). <p>Khai thác thủy sản nội địa: Ngày 01 tháng 01.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nuôi trồng thủy sản: Ngày 01 tháng 7 (kỳ 6 tháng), ngày 01/01 năm sau (kỳ năm); ngày 01 tháng 4 và 01 tháng 10 (kỳ quý đối với điều tra sản lượng nuôi trồng thủy 	<p>hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)</p>	<p>ngành và Phát triển nông thôn</p>

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			thực tế có nuôi trồng thủy sản trong kỳ. - Hộ khai thác thủy sản trong kỳ.		tiền bán giống thủy sản trong kỳ. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0810 và các chỉ tiêu liên quan khác.	sản chủ yếu)		
03: Điều tra công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ và vốn đầu tư								
15	Điều tra ngành công nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về tình hình sản xuất, kinh doanh ngành công nghiệp làm cơ sở để biên soạn, tổng hợp một số chỉ tiêu thống kê công nghiệp hằng tháng, phục vụ công tác quản lý của các cơ quan nhà nước các cấp và đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà đầu tư và các đối tượng dùng tin khác.	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động sản xuất công nghiệp. 2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; Tổng công ty; doanh nghiệp (cơ sở trực thuộc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp); hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể có	Điều tra chọn mẫu	Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp: - Sản phẩm công nghiệp chủ yếu sản xuất; tiêu thụ, tồn kho, lao động, doanh thu thuần; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0901, 0902, 0905, 0906. Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh.	- Tháng: Ngày 08 hằng tháng - Quý: Ngày 08 tháng cuối quý	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			hoạt động sản xuất công nghiệp.					
16	Điều tra năng lực sản xuất của một số sản phẩm công nghiệp	Thu thập chỉ tiêu phản ánh năng lực sản xuất và năng lực mới tăng của một số sản phẩm công nghiệp.	<p>1. Đối tượng điều tra: Các doanh nghiệp, các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất các sản phẩm công nghiệp thuộc danh mục điều tra.</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, cơ sở trong ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp chủ yếu trên toàn quốc.</p>	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	<p>- Thông tin chung về đơn vị điều tra;</p> <p>- Thu thập thông tin về năng lực sản xuất của dây chuyền, máy móc, thiết bị để sản xuất một số sản phẩm công nghiệp;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0907.</p>	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 3 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6 và 8).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
17	Điều tra hoạt động xây dựng	Thu thập thông tin hàng quý và hàng năm về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; hoạt động xây dựng của xã/phường/thị trấn và hộ dân cư để tính một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của ngành xây dựng, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý của Nhà nước và các đối tượng dùng tin khác về ngành xây dựng.	1. Đối tượng điều tra: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động xây dựng; các xã/phường/thị trấn và các hộ dân cư có các công trình xây dựng tự làm hay thuê cơ sở thi công. 2. Đơn vị điều tra: - Đơn vị điều tra hàng quý: Doanh nghiệp có hoạt động xây dựng; Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có các công trình xây dựng do dân tự xây dựng hoặc thuê cơ sở xây dựng	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh 2. Điều tra hàng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm chỉ tiêu về công trình xây dựng thực hiện trong kỳ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502. - Nhóm chỉ tiêu về nhà ở xây dựng mới hoàn thành trong năm; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0404 và 0405.	Chu kỳ hàng quý, hàng năm. - Quý: Quý: Quý I, II, III: Ngày 01 tháng cuối quý; quý IV ngày 01 tháng 11. - Năm: Từ ngày 01 tháng 02 hàng năm.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>thi công; hộ dân cư có công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công.</p> <p>- Đơn vị điều tra hằng năm: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn có các công trình xây dựng do dân tự xây dựng hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công; hộ dân cư có công trình xây dựng tự làm hoặc thuê cơ sở xây dựng thi công.</p>					
18	Điều tra hoạt động thương mại và dịch vụ	Thu thập thông tin cơ bản về kết quả hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa	Điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hằng tháng Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ: - Tổng doanh thu bán buôn,	Chu kỳ hằng tháng, ngày 08 hằng tháng. Chu kỳ hằng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>xe có động cơ khác; kết quả kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch, dịch vụ hành chính và hỗ trợ, dịch vụ khác; tình hình kinh doanh của ngành vận tải; ngân hàng và thông tin về xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ nhằm biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.</p>	<p>sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch và dịch vụ khác; vận tải, kho bãi; hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ và tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; Tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã và các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể có hoạt động thương mại dịch vụ; tổ chức tín dụng; các doanh nghiệp bảo hiểm và chứng khoán.</p>		<p>bán lẻ hàng hóa, dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; doanh thu theo nhóm, ngành hàng;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001.</p> <p>- Tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống; du lịch lữ hành;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1002, 1703.</p> <p>- Tổng doanh thu dịch vụ khác (doanh thu giáo dục và đào tạo, doanh thu y tế và hoạt động trợ giúp xã hội, doanh thu nghệ thuật vui chơi và giải trí, doanh thu dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ, trừ dịch vụ du lịch lữ hành, hoạt động dịch vụ khác; <u>dịch vụ sửa chữa máy vi tính, đồ dùng cá nhân và gia đình; dịch vụ giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú; dịch</u></p>	<p>Quý, ngày 08 tháng cuối Quý.</p>		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p><u>vụ phục vụ tang lễ phục vụ cá nhân và cộng đồng</u>);</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1004.</p> <p>- Doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp hàng hóa, kho bãi, đại lý và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1201.</p> <p>- Số lượt hành khách vận chuyển và luân chuyển; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1202, 1203.</p> <p>2. Điều tra hàng quý</p> <p>- Tổng doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản; doanh thu dịch vụ công nghệ thông tin.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1003, 1311.</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>- Doanh thu dịch vụ xuất bản; doanh thu dịch vụ điện ảnh, sản xuất chương trình truyền hình, ghi âm và xuất bản âm nhạc; doanh thu dịch vụ phát thanh, truyền hình; doanh thu dịch vụ viễn thông; doanh thu dịch vụ lập trình máy tính; doanh thu dịch vụ thông tin; hoạt động pháp luật, kế toán và kiểm toán; hoạt động trụ sở văn phòng; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác; hoạt động thú y; hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí; hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hoá khác; hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc;</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí.</p> <p>- Kết quả hoạt động dịch vụ và dịch vụ tài chính của tổ chức tín dụng; bảo hiểm và chứng khoán phục vụ tính tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo quý.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0503, 0504.</p> <p>- Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ.</p> <p>- Nước đối tác.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009, 1010.</p>			
19	Điều tra loại hình hạ tầng thương mại phổ biến	Thu thập thông tin về các loại hình hạ tầng thương mại gồm: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại,... của từng địa phương nhằm mục đích tổng hợp, đánh giá tình	1. Đối tượng điều tra: Loại hình hạ tầng thương mại: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại. 2. Đơn vị điều tra: Sở Công	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	<p>- Thông tin chung về đơn vị điều tra.</p> <p>- Thông tin về quy mô: Diện tích, tổng số vốn đầu tư, số lượng lao động,...</p> <p>- Thông tin về kết quả hoạt động, doanh thu của các loại hình hoạt động thương</p>	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7 và 9).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hình đầu tư và phát triển các loại hình hạ tầng thương mại trên phạm vi cả nước làm cơ sở để hoạch định chính sách, phục vụ công tác quản lý nhà nước về hạ tầng thương mại.	Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các cơ sở kinh doanh tại chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; tổ chức quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.		mại,... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1005.			
20	Điều tra thông tin khách du lịch nội địa	Thu thập thông tin khách du lịch nội địa tại các khu, điểm du lịch nhằm biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia về lĩnh vực du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý, hoạch định chiến lược, quy hoạch vùng và chính sách phát triển du lịch của	1. Đối tượng điều tra: Khách du lịch nội địa tại các khu, điểm du lịch trong nước. 2. Đơn vị điều tra: Khách du lịch nội địa tại điểm du lịch; cơ sở lưu trú; đơn vị lữ hành.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp,...); - Thông tin đặc điểm chuyến đi du lịch (hình thức tổ chức, phương tiện sử dụng, hình thức lưu trú,...) và đánh giá của khách du lịch về cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của khu, điểm du lịch; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1706.	Chu kỳ hằng năm, theo mùa du lịch.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		các cấp, các ngành.						
21	Điều tra chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam	Thu thập thông tin về tổng mức chi tiêu và những khoản chi tiêu chủ yếu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam; làm cơ sở tính mức chi tiêu bình quân chung và cơ cấu chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam; là cơ sở để suy rộng một số chỉ tiêu chủ yếu về du lịch, xuất khẩu dịch vụ du lịch, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng điều tra: Khách du lịch; khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú. 2. Đơn vị điều tra: Khách du lịch; khách quốc tế đang nghỉ tại các cơ sở lưu trú; hộ dân cư; các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú.	Điều tra chọn mẫu	- Tổng mức chi tiêu và một số khoản chi tiêu của khách du lịch, khách quốc tế đến Việt Nam như: chi đi lại; chi ăn uống; chi lưu trú; chi tham quan; chi cho các dịch vụ văn hóa, vui chơi giải trí; chi cho y tế bảo vệ sức khỏe, chi mua hàng hóa; - Một số nhận xét đánh giá của khách quốc tế đối với cảnh quan thiên nhiên, môi trường, điều kiện vật chất, dịch vụ của các cơ sở lưu trú tại Việt Nam; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1009, 1707, 1708, 1709.	Chu kỳ hằng năm, theo mùa du lịch.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
22	Điều tra vốn đầu tư thực hiện	Thu thập thông tin hàng quý và hàng năm nhằm thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội là căn cứ đánh giá tình hình thực hiện vốn đầu tư, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, xây dựng kế hoạch huy động vốn và định hướng chính sách đầu tư, đánh giá tác động của vốn đầu tư đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của cả nước và tỉnh/thành phố.	1. Đối tượng điều tra: Doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chuẩn bị cho sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có thực hiện đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh; trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; hộ dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng,	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Điều tra hàng quý - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; danh mục các dự án của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401. 2. Điều tra hàng năm - Nhóm chỉ tiêu nhận dạng về chủ đầu tư; nhóm chỉ tiêu kết quả vốn đầu tư thực hiện chia theo nguồn vốn đầu tư, khoản mục đầu tư, mục đích đầu tư, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; nhóm chỉ tiêu về công trình hoàn thành và năng lực mới tăng của nền kinh tế;	Chu kỳ hàng quý, hàng năm. - Quý: Ngày 01 tháng cuối quý. Riêng đối với trang trại, hộ dân cư thu thập thông tin quý IV ngày 01 tháng 11. - Năm: Ngày 01 tháng 02 đối với trang trại, hộ dân cư, đơn vị sự nghiệp, xã/phường/thị trấn; ngày 01 tháng 4 đối với Sở Tài chính; ngày 01 tháng 8	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương; Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành địa phương.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>sửa chữa nhà ở; đơn vị sự nghiệp có thực hiện đầu tư; xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các dự án, công trình xã hội hóa; Sở Tài chính; đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính của Bộ, ngành Trung ương.</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <p>- Đơn vị điều tra hàng quý: Doanh nghiệp, hợp tác xã đang trong quá trình đầu tư chuẩn bị cho sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp, hợp tác xã đang</p>		Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402, 0403 và 0404.	đối với Bộ ngành Trung ương.		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>hoạt động sản xuất, kinh doanh có thực hiện đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh; trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất, kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; hộ dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở.</p> <p>- Đơn vị điều tra hằng năm: Trang trại có thực hiện đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và cho đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; hộ</p>					

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			dân cư có đầu tư trong kỳ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, sửa chữa nhà ở; đơn vị sự nghiệp có thực hiện đầu tư; xã/phường/thị trấn quản lý xây dựng các dự án, công trình xã hội hóa; Sở Tài chính; đơn vị phụ trách công tác thống kê, tài chính của Bộ, ngành Trung ương.					

04: Điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp và tài khoản quốc gia

23	Điều tra doanh nghiệp	Thu thập thông tin về doanh nghiệp/đơn vị cơ sở để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả hoạt	1. Đối tượng điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	1. Thông tin chung các đơn vị điều tra: - Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; - Nhóm thông tin về lao	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 4 (trừ năm tiến hành Tổng điều	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).
----	-----------------------	--	---	--	---	---	---	---

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, phục vụ cho việc quản lý, hoạch định chính sách, phát triển doanh nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp phục vụ yêu cầu về thống kê doanh nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.</p>	<p>trong phạm vi một ngành kinh tế tại một địa điểm (đơn vị ngành kinh tế theo địa bàn) của tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành O, ngành U và ngành T trong hệ thống ngành kinh tế quốc dân).</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Các tập đoàn; Tổng công ty; doanh nghiệp; hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) và các đơn vị cơ sở trực thuộc doanh nghiệp.</p>		<p>động, thu nhập của người lao động;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm thông tin về nguồn vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận của đơn vị điều tra; <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0304, 0305, 0306.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm thông tin về năng lượng; <p>Thu thập thông tin thống kê quốc gia mã số 0908.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị điều tra: Kết quả sản xuất, kinh doanh; sản phẩm sản xuất, kinh doanh; chi phí sản xuất, kinh doanh;... - Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực vốn đầu tư, xây dựng, tài khoản quốc gia; <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0401, 0402,</p>	<p>tra kinh tế).</p>		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>0403, 0404, 0405, 0501, 0502, 0515, 0516, 0517.</p> <p>- Thu thập thông tin thống kê về lĩnh vực công nghiệp;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0902, 0903, 0904.</p> <p>- Thông tin thống kê về lĩnh vực thương mại và dịch vụ, kinh tế số, logistic, công nghệ thông tin và khoa học công nghệ;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1001, 1002, 1003, 1004, 1009, 1010, 1703, 1201, 1202, 1203, 1311, 1312, 1321, 1405.</p> <p>- Nhóm thông tin về chi phí sản xuất sản phẩm, chi phí khấu hao tài sản cố định và các chi phí khác phát sinh phục vụ cập nhật hệ số chi phí trung gian.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502.</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế.			
24	Điều tra cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể	Thu thập thông tin về các cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể để đánh giá thực trạng, năng lực và kết quả sản xuất, kinh doanh của các cơ sở, phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách; cập nhật cơ sở dữ liệu về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đáp ứng yêu cầu Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và các yêu cầu khác của người dùng tin.	1. Đối tượng điều tra: Các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản). 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra; nhóm thông tin về lao động; nhóm thông tin về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm thông tin về nhóm sản phẩm và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhóm thông tin về năng lực vận tải, lưu trú; nhóm thông tin về lĩnh vực thống kê chuyên ngành. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0902, 0903, 0904, 1001, 1002, 1003, 1004, 1201, 1202, 1203. Nhóm thông tin về năng lượng và ứng dụng công nghệ thông tin 0908, 0512, 0515, 0516, 0517, 1311, 1312, 1321.	Chu kỳ hằng năm, ngày 05 tháng 01 (trừ năm tiến hành Tổng điều tra kinh tế).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
25	Điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp	Thu thập thông tin cơ bản về số cơ sở hành chính, sự nghiệp, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính, sự nghiệp; kết quả thu, chi của cơ sở để rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực.	<p>1. Đối tượng điều tra: Các cơ quan Đảng; Nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội và các cơ sở trực thuộc; các cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập.</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <p>- Cơ sở hành chính, bao gồm các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở trực thuộc cơ quan hành chính. Cụ thể gồm các đơn vị điều tra sau:</p> <p>+ Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức</p>	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	<p>- Nhóm thông tin nhận dạng đơn vị điều tra;</p> <p>- Nhóm thông tin về lao động, thu nhập của người lao động;</p> <p>- Nhóm thông tin về kết quả thu, chi;</p> <p>- Nhóm thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin;</p> <p>- Nhóm thông tin theo chuyên đề cần đánh giá, tùy thuộc yêu cầu thực tế;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0302.</p>	Chu kỳ điều tra 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiếp hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6).	Bộ Nội vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê), Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>chính trị - xã hội ở các cấp từ Trung ương đến địa phương;</p> <p>+ Các tổ chức chính trị - xã hội gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam ở các cấp từ Trung ương đến địa phương.</p> <p>+ Các cơ sở trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức nói trên (không bao gồm các cơ sở hoạt động sự</p>					

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>ngành, cơ sở kinh tế).</p> <p>- Các cơ sở hoạt động sự nghiệp công lập.</p>					
26	Điều tra thu thập thông tin lập bảng cân đối liên ngành và tính hệ số chi phí trung gian	Lập bảng cân đối liên ngành (I/O) làm cơ sở đánh giá kết quả sản xuất chi tiết theo ngành sản phẩm và đánh giá sự thay đổi cơ cấu chi phí sản xuất, tích lũy, tiêu dùng, xuất nhập khẩu và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác; làm cơ sở tính toán các hệ số cơ bản phục vụ biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia.	1. Đối tượng điều tra: Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tổ chức vô vị lợi phục vụ hộ gia đình; hộ dân cư tiêu dùng cuối	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	<p>- Đối với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước: Thông tin về thu chi ngân sách, thuế sản xuất, trợ cấp sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa dịch vụ; thông tin về dư nợ cho vay phục vụ sản xuất kinh doanh, nhu cầu đời sống và dư nợ tín dụng qua thẻ tín dụng.</p> <p>- Đối với doanh nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành hoạt động sản xuất, kinh doanh, ngành sản phẩm chính, doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang...</p>	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 4 thu thập thông tin đối với các đơn vị điều tra là Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và hiệp hội, tổ chức vô vị lợi phục vụ gia đình; ngày 05 tháng 01 thu thập thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>cùng.</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước. - Các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (viết gọn là cơ quan hành chính) và đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị dự toán cấp II, cấp III hoặc cấp IV); đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; hiệp hội. - Doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, hợp tác xã đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: Thông tin về loại hình, ngành sản phẩm chính; các hoạt động thu của đơn vị, các hoạt động chi thường xuyên, tổng giá trị khấu hao/hao mòn tài sản cố định, chi phí cho người lao động, chi trả lãi tiền vay ngân hàng (nếu có), các khoản nộp ngân sách nhà nước, tổng chi phúc lợi xã hội trong năm. - Đối với đơn vị hiệp hội, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng và các cơ sở vô vị lợi khác: Thông tin về loại hình hoạt động, ngành nghề hoạt động, ngành sản phẩm chính của cơ sở; lao động, thu hoạt động và chi hoạt động thường xuyên của cơ sở trong năm. - Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; hộ 	<p>tin các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, hộ dân cư (tiền hành vào các năm có số tận cùng là 1, 6).</p>		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>và hiện đang hoạt động sản xuất, kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Hộ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. - Tổ chức vô vị lợi phục vụ hộ gia đình. - Hộ dân cư tiêu dùng cuối cùng. 		<p>sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Thông tin về loại hình, ngành nghề hoạt động; lao động, doanh thu từ sản phẩm, chi phí cho sản xuất sản phẩm, thu nhập, thuế, thành phẩm tồn kho và sản phẩm dở dang.</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502, 0505, 0514, 0516 và 0517.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hộ tiêu dùng sản phẩm vật chất và dịch vụ: Thông tin về tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư. <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0506.</p>			
27	Điều tra đơn vị sự nghiệp và tổ chức không vị lợi	Thu thập thông tin tính giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.	<p>1. Đối tượng điều tra: Các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.</p> <p>2. Đơn vị điều</p>	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin định danh của đơn vị bao gồm: tên, địa chỉ, mã số thuế (nếu có), điện thoại, email, thông tin về người đứng đầu; loại hình tổ chức của đơn vị.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Tài chính

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			tra: Các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi.		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về lao động của đơn vị. - Thông tin về tài sản của đơn vị. - Thông tin về kết quả hoạt động (doanh thu, chi phí) của đơn vị. <p>Thu thập thông tin phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0501, 0502.</p>	cùng là 3 và 8).		

05: Điều tra giá

28	Điều tra giá tiêu dùng (CPI)	Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ tính chỉ số giá hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về mức độ biến động giá tiêu dùng cho Chính phủ, các bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính	<p>1. Đối tượng điều tra: Các hàng hóa và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng của dân cư.</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Cơ sở kinh doanh chuyên bán lẻ (sạp hàng, quầy hàng, điểm bình ổn giá, siêu thị, cửa hàng tiện ích...); cơ sở</p>	Điều tra chọn mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá bán lẻ (bao gồm VAT) hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng. <p>Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1101, 1102, 1103.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp, bổ sung thông tin tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105. - Thu thập thông tin về 	Chu kỳ hàng tháng, điều tra 3 kỳ một tháng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
----	------------------------------	---	---	-------------------	--	---	---	--

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các loại hình kinh tế.		mức giá hàng hóa và dịch vụ đại diện theo Chương trình so sánh quốc tế của Ngân hàng Phát triển Châu Á phục vụ tính toán sức mua tương đương từ đó đánh giá tương quan giàu nghèo giữa các quốc gia trong khu vực.			
29	Điều tra giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất hàng quý phục vụ công tác điều hành, quản lý, xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất, kế hoạch nhập khẩu vật tư, nhiên liệu, phát triển công nghiệp phụ trợ, vùng nguyên liệu. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đại diện dùng cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành công nghiệp chế biến,	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá của người sản xuất khi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất; (bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến nơi sản xuất, trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1104.	Chu kỳ hàng quý, ngày 05 hàng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Là cơ sở để ngành tổng kê tính giá trị tăng thêm theo phương pháp giảm phát 2 lần rút gọn theo ngành kinh tế.	ché tao; Cơ sở sản xuất, kinh doanh các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất noog, lâm nghiệp và thủy sản, xây dựng.					
30	Điều tra giá sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác quản lý điều hành, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản được đơn vị sản xuất và bán ra thuộc danh mục đại diện tính chỉ số giá. 2. Đơn vị điều tra: Hộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác hoạt động trực tiếp sản xuất và bán mặt	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá sản xuất hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (bao gồm trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT, phí lưu thông thương mại, cước vận tải). Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý, ngày 05 hàng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			hàng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định và thuộc các loại hình kinh tế.					
31	Điều tra giá sản xuất công nghiệp	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất công nghiệp hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác quản lý điều hành, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng công nghiệp được đơn vị sản xuất, bán ra thuộc danh mục đại diện tính chỉ số giá. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập có hoạt động sản xuất công nghiệp và bán các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ công nghiệp,	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra giá bán của người sản xuất hàng công nghiệp (bao gồm trợ cấp sản phẩm, không bao gồm VAT, phí lưu thông thương mại, cước vận tải); Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý, ngày 05 hàng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Công Thương

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.					
32	Điều tra giá sản xuất dịch vụ	Để biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất dịch vụ hàng quý nhằm phục vụ cho Chính phủ, các cơ quan quản lý trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất dịch vụ bảo đảm cung cầu trên thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các sản phẩm dịch vụ được cung ứng ra thị trường thuộc danh mục đại diện tính chỉ số giá. 2. Đơn vị điều tra: Các doanh nghiệp, hợp tác xã hạch toán kinh tế độc lập, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể trực tiếp sản xuất và cung cấp các sản phẩm dịch vụ có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá cước đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không và dịch vụ kho bãi, bốc xếp, bưu chính và chuyên phát; mức giá dịch vụ lưu trú, thông tin, truyền thông, chuyên môn, khoa học công nghệ, hành chính, dịch vụ khác (bao gồm trợ cấp sản xuất, không bao gồm VAT). Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	Chu kỳ hàng quý, ngày 05 hàng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Thông tin và Truyền thông.
33	Điều tra giá sản xuất xây	Để biên soạn chỉ số giá sản xuất xây	1. Đối tượng điều tra: Các	Điều tra chọn	- Thông tin chung về đơn	Chu kỳ hàng quý,	Bộ Kế hoạch và	Bộ Xây dựng

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	dựng	dựng hằng quý nhằm: Phục vụ đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển ngành sản xuất xây dựng. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	mặt hàng và dịch vụ đại diện đưa vào xây dựng các công trình xây dựng. 2. Đơn vị điều tra: Các Tổng công ty xây dựng, công ty xây dựng, các chủ đầu tư và ban quản lý dự án; các công ty tư vấn thực hiện quản lý; tư vấn các công trình xây dựng và các đại lý bán vật liệu xây dựng và cho thuê dịch vụ xây dựng.	mẫu	vị điều tra. - Điều tra mức giá sản phẩm vật liệu xây dựng, nhân công, máy móc thiết bị xây dựng và giá dịch vụ xây dựng chuyên dụng đưa vào hoạt động xây dựng. Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1105.	ngày 05 hằng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
34	Điều tra giá bất động sản	Để tính chỉ số giá bất động sản phục vụ cơ quan quản lý nhà nước trong việc đánh giá, dự báo xu hướng thị	1. Đối tượng điều tra: Các loại bất động sản là căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, nhà ở	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ, nhà ở khác, đất nền, văn	Chu kỳ hằng quý, ngày 05 hằng tháng, điều tra 3 kỳ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Xây dựng

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		trường bất động sản, trên cơ sở đó đề ra các cơ chế, chính sách để xây dựng, phát triển lành mạnh thị trường. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	khác, đất nền, văn phòng,... đại diện trên thị trường. 2. Đơn vị điều tra: Các công ty kinh doanh bất động sản; các sản giao dịch bất động sản; các cơ quan quản lý, theo dõi giao dịch thị trường bất động sản.		phòng,... trên thị trường. - Điều tra các đặc điểm đi kèm của bất động sản như vị trí, diện tích mặt sàn, tổng diện tích sử dụng, số mét mặt tiền,... Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1106.	một quý.		
35	Điều tra giá tiền lương	Để tính chỉ số giá tiền lương giúp các cơ quan chức năng nghiên cứu và xây dựng chính sách tiền lương phù hợp. Dùng để tính các chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.	1. Đối tượng điều tra: Các ngành nghề, công việc đại diện. 2. Đơn vị điều tra: Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức của Đảng Cộng sản, cơ quan quản lý nhà nước, an	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Thông tin về mức tiền lương. Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1107.	Chu kỳ hằng quý, ngày 05 hằng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc (các đơn vị có hoạt động thuộc ngành O trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) được chọn điều tra.</p>					
36	<p>Điều tra giá xuất khẩu, nhập khẩu</p>	<p>Để tính chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu của cả nước sử dụng giảm phát các chỉ tiêu thống kê trong hệ thống tài khoản quốc gia; phục vụ phân tích vĩ mô, phân tích hiệu quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các mục đích sử dụng khác. Dùng tính các chỉ tiêu thống kê kinh tế tổng hợp theo giá so sánh.</p>	<p>1. Đối tượng điều tra: Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu đại diện trong rô hàng hóa. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.</p>	<p>Điều tra chọn mẫu</p>	<p>- Thông tin chung về đơn vị điều tra. - Điều tra mức giá xuất khẩu (giá FOB). - Điều tra mức giá nhập khẩu (giá CIF). Thu thập phục vụ tính các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1108, 1109.</p>	<p>Chu kỳ hằng quý, ngày 05 hằng tháng, điều tra 3 kỳ một quý.</p>	<p>Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)</p>	<p>Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan)</p>

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
06: Điều tra khoa học công nghệ, thông tin và truyền thông								
37	Điều tra tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ	Thu thập thông tin về nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng và các tiềm lực khoa học và công nghệ khác phục vụ đánh giá xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ.	1. Đối tượng điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ. 2. Đơn vị điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm các tổ chức nghiên cứu và phát triển; cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.	Điều tra toàn bộ	Tiềm lực khoa học và công nghệ bao gồm: - Hạ tầng cơ sở; thông tin; vật lực; tài chính; tiềm lực khác; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1401. - Nhân lực; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1402.	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 4 và 9).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
38	Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Thu thập thông tin về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của quốc gia phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược, kế	1. Đối tượng điều tra: Các tổ chức khoa học và công nghệ; các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về khoa	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Nhóm thông tin về đơn vị cơ sở; - Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1403.	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 7 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6 và 8).	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		hoạch khoa học và công nghệ.	<p>học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác; các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <p>- Các tổ chức khoa học và công nghệ: Tổ chức nghiên cứu</p>		<p>- Nhóm thông tin về chi phí cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1406.</p>			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>khoa học và phát triển công nghệ; cơ sở giáo dục đại học bao gồm (Đại học, trường đại học, học viện, trường cao đẳng); tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.</p> <p>- Các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p> <p>- Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc Liên hiệp các</p>					

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			<p>hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam và các Hội nghề nghiệp khác.</p> <p>- Các doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.</p>					
39	Điều tra thống kê thương mại điện tử	Thu thập thông tin mức độ, trình độ và hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của các thương nhân.	<p>1. Đối tượng điều tra: Thương nhân trên toàn quốc.</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Thương nhân trên toàn quốc</p>	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	<p>- Thông tin chung về đơn vị điều tra.</p> <p>- Thông tin về mức độ sẵn sàng ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân;</p> <p>- Trình độ ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân;</p> <p>- Hiệu quả ứng dụng thương mại điện tử của thương nhân;</p> <p>Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1309.</p>	Chu kỳ 2 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1, 3, 5, 7 và 9).	Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)

07: Điều tra y tế, xã hội và môi trường

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
40	Điều tra cơ sở và nhân lực y tế ngoài công lập	Thống kê số lượng cơ sở, số giường bệnh, số nhân lực y tế trong lĩnh vực y tế ngoài công lập.	1. Đối tượng điều tra: Nhân lực y tế; cơ sở y tế ngoài công lập. 2. Đơn vị điều tra: Cơ sở y tế ngoài công lập.	Điều tra toàn bộ	- Thông tin chung về đơn vị cơ sở; - Thông tin về lao động; - Thông tin về tài sản; - Thông tin về hoạt động của cơ sở; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1601, 1602, 1610.	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 4.	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
41	Điều tra dinh dưỡng	Cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tình hình dinh dưỡng sức khỏe bà mẹ và trẻ em dưới 5 tuổi.	1. Đối tượng điều tra: Trẻ em dưới 5 tuổi; bà mẹ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15 - 49 tuổi. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin chung về đối tượng điều tra; - Tình trạng dinh dưỡng; - Phòng chống suy dinh dưỡng của trẻ em; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1607.	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 5.	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)
42	Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam	Thu thập thông tin làm căn cứ đánh giá mức sống, đánh giá tình trạng nghèo đói và phân hóa giàu nghèo, giám sát và đánh	1. Đối tượng điều tra: - Các thành viên hộ; - Hộ dân cư; - Các xã có hộ	Điều tra chọn mẫu	1. Đối với hộ: - Thông tin định danh của hộ; - Thông tin của thành viên hộ về nhân khẩu học, giáo dục, y tế, nhân trắc, việc	Chu kỳ hằng quý, ngày 01 tháng giữa quý.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<p>giá một số chương trình mục tiêu quốc gia, cung cấp số liệu để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng và phục vụ tính toán Hệ thống tài khoản quốc gia.</p>	<p>được khảo sát (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8).</p> <p>2. Đơn vị điều tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân cư; - Các xã có hộ dân cư được khảo sát (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8). 		<p>làm và tiền lương, tiền công;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo thu nhập và thu nhập khác của hộ; - Thông tin về chi tiêu của hộ, gồm: Chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá, tiêu dung năng lượng,... và chi khác (chỉ điều tra vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6, 8); - Thông tin thống kê về công nghệ thông tin và truyền thông; - Thông tin về điều kiện sống của hộ gồm: nhà ở, điện, nguồn nước sử dụng, điều kiện vệ sinh và đồ dùng lâu bền; - Thông tin về tiếp cận các chương trình an sinh xã hội và tình hình đời sống của hộ; 			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					<p>Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0407, 0506, 0813, 0908, 1101, 1305, 1306, 1308, 1313, 1317, 1320, 1802, 1803, 1804, 1805, 1808, 1809, 1810.</p> <p>2. Đối với xã (chỉ điều tra vào các năm có số tận cùng là số 0, 2, 4, 6 và 8).</p> <p>Thu thập thông tin phản ánh điều kiện sống trong phạm vi xã ảnh hưởng đến mức sống của hộ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình chung về nhân khẩu, dân tộc; - Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu: hiện trạng điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện và nguồn nước; - Tình trạng kinh tế: tình hình sản xuất nông nghiệp, cơ hội việc làm phi nông nghiệp; 			

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					- Một số thông tin cơ bản về trật tự an toàn xã hội, ô nhiễm môi trường; xử lý và thu gom rác thải, tín dụng và tiết kiệm.			
43	Khảo sát sức khỏe dân cư và kinh nghiệm cuộc sống	Thu thập thông tin về tình hình bạo lực, nhận thức của người dân về việc phòng, chống bạo lực nhằm cung cấp thông tin để đánh giá, giám sát tình hình bạo lực trong xã hội để có các chính sách, chương trình phù hợp nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực trong xã hội.	1. Đối tượng đơn vị điều tra: Thành viên hộ dân cư. 2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư.	Điều tra chọn mẫu	- Thông tin cơ bản (tuổi, dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân; ...); - Trải nghiệm bạo lực (thể xác/tình dục/tinh thần) - Thông tin của đối tượng phỏng vấn về an toàn xã hội; - Cảm nhận về mức độ an toàn của khu vực người dân đang sinh sống Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1905.	Chu kỳ 10 năm, ngày 01 tháng 6 (tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0).	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	
44	Điều tra người khuyết tật	Thu thập thông tin chi tiết về khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách bảo đảm quyền lợi	1. Đối tượng điều tra: Thành viên hộ dân cư; người khuyết tật đang thực tế	Điều tra chọn mẫu	- Tỷ lệ người khuyết tật chia theo dạng tật, nguyên nhân khuyết tật; - Đánh giá thực trạng điều kiện sống và an sinh xã hội	Chu kỳ 5 năm, ngày 01 tháng 9 (tiến hành vào các năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		cho người khuyết tật.	<p>thường trú tại các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật; trường tiểu học, trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã, phường, thị trấn; trạm y tế xã, phường thị trấn.</p> <p>2. Đơn vị điều tra: Hộ dân cư; cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật; ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trường tiểu học; trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã, phường, thị trấn; trạm y tế xã, phường, thị trấn.</p>		<p>cho người khuyết tật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội về chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng; - Nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội về giáo dục, việc làm; - Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng cơ hội tiếp cận thông tin và truyền thông; - Xác định nhu cầu và quyền bình đẳng tiếp cận các công trình xây dựng, giao thông công cộng; - Thái độ đối với người khuyết tật; - Cung cấp thông tin đánh giá Luật người khuyết tật của Việt Nam và Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật, giám sát các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) về người 	có số tận cùng là 3 và 8).		

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
					khuyết tật; Thu thập chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 0110.			
45	Điều tra các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường	Thu thập thông tin về môi trường làm cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiên cứu, hoạch định chính sách và biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về bảo vệ môi trường.	1. Đối tượng điều tra: Các doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ; hộ gia đình có phát sinh chất thải; cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường các cấp; cán bộ, chuyên gia tham gia công tác bảo vệ môi trường. 2. Đơn vị điều tra: Doanh nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; hộ gia đình có phát sinh chất thải; tổ chức, cá	Điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu	- Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp; - Thông tin về chất lượng môi trường; chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định pháp luật. - Thông tin về nguồn lực và đầu tư cho công tác bảo vệ	Chu kỳ hằng năm, ngày 01 tháng 12 (riêng đối với chỉ tiêu mã số 2104 là chu kỳ 05 năm, ngày 01 tháng 12, tiến hành vào các năm có số tận cùng là 0 và 5).	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng.

TT	Tên cuộc điều tra	Mục đích điều tra	Đối tượng, đơn vị điều tra	Loại điều tra	Nội dung điều tra	Thời kỳ, thời điểm điều tra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.		môi trường. - Thu thập các chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 2104, 2106, 2107, 2111.			